

Số: 118/BC-UBND

TP. Trà Vinh, ngày 16 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
**Về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách thành phố Trà Vinh Quý I năm 2019**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019;

Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố Trà Vinh quý I năm 2019, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

* **Tổng thu ngân sách địa phương quý I năm 2019:** 201.736 triệu đồng, đạt 45,94%, tăng 58,86% so cùng kỳ, trong đó:

1/. **Thu nội địa:** 64.245 triệu đồng, đạt 32,79% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 49,91% so cùng kỳ. Cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 81 triệu đồng;
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện 17.994 triệu đồng, đạt 22,92% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 18,02% so cùng kỳ;
- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 8.431 triệu đồng, đạt 24,09% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 15,4% so cùng kỳ;
- Lệ phí trước bạ: thực hiện 9.663 triệu đồng, đạt 28,09% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 26,06% so cùng kỳ;
- Phí, lệ phí: thực hiện 3.098 triệu đồng, đạt 41,31% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 10,57% so cùng kỳ;



- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện 57 triệu đồng, đạt 1,95% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 12,13% so cùng kỳ;

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 23.785 triệu đồng, đạt 79,28% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 202,36% so cùng kỳ;

- Thu khác ngân sách: thực hiện 1.136 triệu đồng, đạt 14,95% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 0,3% so cùng kỳ (trong đó thu phạt ATGT NSTW hưởng: 718 triệu đồng);

2/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 25.916 triệu đồng, tăng 31,49% so cùng kỳ năm trước.

3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 111.575 triệu đồng, đạt 49,39% so dự toán tỉnh giao, tăng 80,89% so cùng kỳ.

*** Thu ngân sách thành phố hưởng theo phân cấp:** 63.527 triệu đồng, đạt 33,1% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 51,71% so cùng kỳ;

(Thu ngân sách thành phố hưởng theo phân cấp nếu loại trừ số thu từ tiền sử dụng đất là 39.742 triệu đồng, đạt 24,55% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 16,87% so cùng kỳ)

II. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách thành phố quý I năm 2019: 92.654 triệu đồng, đạt 21,29% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 0,7 % so cùng kỳ, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: thực hiện 85.359 triệu đồng, đạt 21,18% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 1,31% so cùng kỳ.

1.1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 10.091 triệu đồng, đạt 17,64% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 17,05% so cùng kỳ.

1.2. Chi thường xuyên: thực hiện 74.269 triệu đồng, đạt 22,01% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 0,07% so cùng kỳ, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện 30.307 triệu đồng, đạt 21,81% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 8,59% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: thực hiện 53 triệu đồng, đạt 13,22% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 1,6% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện 523 triệu đồng, đạt 29,11% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 47,22 % so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp thể thao: thực hiện 29 triệu đồng, đạt 7,53% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 78,08% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp môi trường: thực hiện 6.228 triệu đồng, đạt 20,62% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 19,03% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp kinh tế: thực hiện 8.550 triệu đồng, đạt 14,5% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 14,8% so cùng kỳ;

- Chi hoạt động quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: thực hiện 19.158 triệu đồng, đạt 23,2% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 6,1% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 6.842 triệu đồng, đạt 47,88% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 6,27% so cùng kỳ;

- Chi khác ngân sách: thực hiện 500 triệu đồng, đạt 64,35% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 62,68% so cùng kỳ.

1.3. Chi cho vay: thực hiện 1.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND thành phố giao.

2. Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên: thực hiện 619 triệu đồng, đạt 4,2% so với dự toán HĐND thành phố giao.

2.1. Chi đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

2.2. Chi thường xuyên: thực hiện 619 triệu đồng, đạt 4,8% so với dự toán HĐND thành phố giao.

3. Chi từ nguồn kết dư ngân sách thành phố: thực hiện 1.350 triệu đồng, đạt 7,78% so với dự toán HĐND thành phố giao.

3.1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 1.350 triệu đồng, đạt 7,78% so với dự toán HĐND thành phố giao.

3.2. Chi thường xuyên: 0 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố quý I năm 2019 (chi tiết theo Biểu số 94,95,96/CK-NSNN kèm theo).!

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng HĐND TP;
- Các phòng, ban thuộc UBND TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Tòa án nhân dân TP;
- Cơ quan của các đoàn thể ở TP;
- UBND các xã, phường thuộc TP;
- Trang tin điện tử;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đương Hiền Hải Đăng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	439.172	201.736	45,94	157,64
I	Thu cân đối NSNN	195.900	64.245	32,79	149,91
1	Thu nội địa	195.900	64.245	32,79	149,91
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		25.916		131,49
III	Thu kết dư	17.360			
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.912	111.575	49,39	180,89
	- Bổ sung cân đối ngân sách	211.163	52.791	25,00	110,30
	- Bổ sung có mục tiêu	14.749	58.785	398,57	425,38
V	Tạm thu từ ngân sách cấp trên				0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	435.172	92.654	21,29	100,70
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	403.063	85.517	21,22	98,88
1	Chi đầu tư phát triển	57.220	10.091	17,64	82,95
2	Chi thường xuyên	336.445	74.427	22,12	100,14
3	Dự phòng ngân sách	8.398		0,00	
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (10% TK chi TX)				
5	Chi cho vay	1.000	1.000		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	14.749	461	3,13	
1	Chi đầu tư phát triển	1.856	0	0,00	
	Chương trình MTQG XD nông thôn mới	1.856	0	0,00	
2	Chi thường xuyên	12.893	461	3,58	
	Kinh phí thực hiện công tác đảm bảo trật tự ATGT	2.387	198	8,29	
	Kinh phí thực hiện công tác đảm bảo trật tự ATGT - Ban ATGT	1.023	0	0,00	
	Kinh phí thực hiện các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	84	0	0,00	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	Chi thực hiện nâng cấp chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính (cải tạo, trồng mới cây xanh)	6.000	0	0,00	
	Kinh phí Chương trình MTQG XD nông thôn mới	953	0	0,00	
	+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	500	0	0,00	
	+ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm	300	0	0,00	
	+ Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn	63	0	0,00	
	+ Xây dựng và phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm	50	0	0,00	
	+ Truyền thông về xây dựng nông thôn mới, Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo NTM	40	0	0,00	
	Chính sách trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP	158	0	0,00	
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 của Chính phủ (bổ sung cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều)	557	0	0,00	
	Kinh phí viện trợ đối ứng dự án SME	78	19	24,57	
	Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của Hợp tác xã; Hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại	653	244	37,42	
	Chi mua phần mềm	1.000	0	0,00	
3	Chi từ nguồn kết dư	17.360	1.350	7,78	
	Chi đầu tư phát triển	17.360	1.350	7,78	
4	Các khoản tạm chi		5.325		
5	Chi nộp ngân sách cấp trên				
	* Tiết kiệm 10% chi TX năm 2019	6.586			

*** Ghi chú:**

- Dự toán Thu NS thành phố chưa loại trừ số thu phạt ATGT NSTW hưởng : 4.000 triệu đồng.
- Tổng thu - chi ngân sách địa phương đã loại trừ số bổ sung ngân sách phường, xã 35.326 triệu đồng.

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	195.900	64.245	32,79	149,91
I	Thu nội địa	195.900	64.245	32,79	149,91
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		81		73,39
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	78.500	17.994	22,92	118,02
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>68.400</i>	<i>15.069</i>	22,03	115,20
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>8.650</i>	<i>2.610</i>	30,17	140,78
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>750</i>	<i>138</i>	18,43	66,06
	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>700</i>	<i>176</i>	25,21	172,22
4	Thuế thu nhập cá nhân	35.000	8.431	24,09	115,40
6	Lệ phí trước bạ	34.400	9.663	28,09	126,06
7	Thu phí, lệ phí	7.500	3.098	41,31	89,43
8	Các khoản thu về nhà, đất	32.900	23.841	72,47	300,62
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>2.900</i>	<i>57</i>	<i>1,95</i>	<i>87,87</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>30.000</i>	<i>23.785</i>	<i>79,28</i>	<i>302,36</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>0</i>			
10	Thu khác ngân sách	7.600	1.136	14,95	100,30
	<i>Thu phạt ATGT</i>	<i>4.000</i>	<i>718</i>		<i>72,94</i>
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	191.900	63.527	33,10	151,71
1	Từ các khoản thu phân chia	80.650	18.179	22,54	119,64
2	Các khoản thu NS thành phố được hưởng 100%	111.250	45.348	40,76	169,98
	<i>* Thu ngân sách thành phố hưởng theo phân cấp nếu loại trừ số thu từ tiền sử dụng đất</i>	<i>161.900</i>	<i>39.742</i>	<i>24,55</i>	<i>116,87</i>

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	435.172	92.654	21,29	100,70
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	403.063	85.359	21,18	98,69
I	Chi đầu tư phát triển	57.220	10.091	17,64	82,95
1	Chi đầu tư cho các dự án	57.220	10.091	17,64	82,95
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.000	374	4,68	7,92
1.2	Chi y tế, dân số và gia đình	680	539	79,26	
1.3	Chi văn hóa thông tin	6.000	806	13,43	92,31
1.4	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	700	131	18,72	
1.5	Chi các hoạt động kinh tế	22.151	6.709	30,29	196,91
1.6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	9.550	1.531	16,04	48,47
1.7	Chi khác (30% tiền SDD)	9.000			
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	337.445	74.269	22,01	99,93
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	138.972	30.307	21,81	108,59
2	Chi khoa học và công nghệ	400	53	13,22	98,40
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	1.798	523	29,11	147,22
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				0,00
6	Chi thể dục thể thao	391	29	7,53	21,92
7	Chi bảo vệ môi trường	30.200	6.228	20,62	80,97
8	Chi các hoạt động kinh tế	58.955	8.550	14,50	114,80
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	82.594	19.158	23,20	93,90
10	Chi bảo đảm xã hội	14.292	6.684	46,77	91,57

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
12	Chi khác	777	500	64,35	37,32
13	Chi mua sắm cho các ban ngành	500		0,00	
III	Chi cho vay	1.000	1.000	100,00	
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương				
V	Dự phòng ngân sách	8.398		0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	14.749	619	4,20	
I	Chi đầu tư phát triển	1.856	0	0,00	
	Chương trình MTQG XD nông thôn mới	1.856			
II	Chi thường xuyên	12.893	619	4,80	
	Kinh phí thực hiện công tác đảm bảo trật tự ATGT	2.387	198	8,29	
	Kinh phí thực hiện công tác đảm bảo trật tự ATGT - Ban ATGT	1.023			
	Kinh phí thực hiện các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	84			
	Chi thực hiện nâng cấp chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính (cải tạo, trồng mới cây xanh)	6.000			
	Kinh phí Chương trình MTQG XD nông thôn mới	953			
	+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	500			
	+ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm	300			
	+ Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn	63			
	+ Xây dựng và phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm	50			
	+ Truyền thông về xây dựng nông thôn mới, Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo NTM	40			
	Chính sách trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP	158	158	100,00	
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 của Chính phủ (bổ sung cận nghèo theo chuẩn nmghè đa chiều)	557			
	Kinh phí viện trợ đối ứng dự án SME	78	19	24,57	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của Hợp tác xã; Hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở Hợp tác xã (theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 5/4/2017 của UBND tỉnh)	653	244	37,42	
	Chi mua phần mềm	1.000			
C	Chi từ nguồn kết dư	17.360	1.350	7,78	
1	Chi đầu tư phát triển	17.360	1.350	7,78	
	<i>Trong đó</i>				
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.610			
	Chi hoạt động kinh tế	15.750	1.350	8,57	
D	Các khoản tạm chi		5.325		
E	Chi nộp ngân sách cấp trên				
	* Tiết kiệm 10% chi TX năm 2019	6.586			

